



# HỆ THỐNG KIẾN THỨC

## CÁC TÁC PHẨM VĂN XUÔI LỚP 12

---

### TRUYỆN, KÍ VIỆT NAM (1945 – 1975)

#### A. Vợ nhặt – Kim Lân

##### 1. Kim Lân

– Kim Lân (1920 – 2007), là cây bút chuyên viết truyện ngắn.

– Những sáng tác của Kim Lân thường viết về nông thôn và người nông dân. Ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống làng quê. Dù viết về phong tục hay con người, trong tác phẩm của Kim Lân ta vẫn thấy thấp thoáng cuộc sống và con người làng quê Việt Nam nghèo khổ nhưng tâm hồn trong sáng, lạc quan, thật thà. Tác phẩm chính: Nên vợ nên chồng (1955), Con chó xấu xí (1962)...

##### 2. Truyện ngắn Vợ nhặt

###### 2.1. Hoàn cảnh sáng tác

Vợ nhặt in trong tập Con chó xấu xí (1962), được viết dựa trên một phần tiểu thuyết Xóm ngụ cư.

###### 2.2. Nội dung

– Tình cảm thâm thúy của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra.



– Niềm khát khao hạnh phúc gia đình, niềm tin bất diệt vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những con người lao động nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.

### **2.3. Nghệ thuật**

– Xây dựng được tình huống truyện độc đáo : Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề lại “nhặt” được vợ, có vợ theo. Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.

– Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn ; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc. Nhân vật được khắc hoạ sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.

– Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức gợi.

### **2.4. Ý nghĩa văn bản**

Tổ cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định : ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

## **3. Đọc thêm**

### **(1) Tóm tắt tác phẩm**

Tràng ở xóm ngụ cư, làm nghề kéo xe bò chở thuê. Anh đã nhiều tuổi, thô kệch, có tính vừa đi vừa nói lảm nhảm như kẻ dở hơi. Bà cụ Tứ là mẹ Tràng. Hai mẹ con ở trong một mái nhà tranh vắng teo, rúm ró.



Trận đói kinh khủng đang diễn ra, người chết đói như ngã rạ. Một lần kéo xe thóc Liên đoàn lên tỉnh, hấn hò một câu vượt dốc rất tình. Một cô gái ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng, liếc mắt cười tít. Lần thứ hai, Tràng gặp lại thị, trông khác hẳn, thị gầy sọp hẳn đi, áo quần tả tơi như tổ đĩa. Một vài câu trách móc, mời chào, thị ăn một chập 4 bát bánh đúc do Tràng đãi. Mua một cái thúng và 2 hào dầu, Tràng dẫn thị về nhà ra mắt mẹ. Xóm ngụ cư ngạc nhiên khi thấy một người đàn bà xa lạ đi theo Tràng họ bàn tán, có phần lo ngại. Trong nhá nhem tối, bà cụ Tứ gặp và nói chuyện với nàng dâu mới. Lần đầu nhà Tràng có dầu thắp đèn... Tiếng ai hờ khóc người chết đói ngoài xóm lọt vào.

Sáng hôm sau, bà mẹ chồng và nàng dâu mới quét dọn trong nhà ngoài sân. Bữa cơm – cháo cám – đón nàng dâu mới. Bà cụ Tứ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu, nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng sau này... Tiếng trống thúc thuế dồn dập. Quạ đen bay vù như mây đen. Thị nói về chuyện Việt Minh phá kho thóc Nhật. Tràng nhớ lại lá cờ đỏ bay phấp phới hôm nào...

## ***(2) Gợi ý phân tích***

### ***(a) Tình huống truyện***

Tràng nhặt được vợ giữa nạn đói khủng khiếp năm 1945 làm cho:

– Người dân xóm ngụ cư ngạc nhiên khi thấy Tràng đi cùng một người đàn bà lạ về nhà (có vợ theo không). Vì: Người như Tràng mà lấy được vợ (một anh chàng nghèo xấu trai, lại là dân ngụ cư); Thời buổi đói khát này, người như Tràng đến nuôi thân còn chưa xong mà còn dám lấy vợ. Nhưng khôn nổi nếu không gặp cảnh đói khát khủng khiếp như thế này thì ai mà thèm lấy Tràng. Đau xót ở chỗ đây là “vợ nhặt” không ăn hỏi, cheo cưới gì đâu. Đói khát như thế, mọi việc đều có thể bỏ qua, nên Tràng mới lấy được vợ.



– Bà cụ Tứ ngạc nhiên.

– Ngay cả Tràng cũng ngạc nhiên.

Kim Lân đã sáng tạo một tình huống truyện độc đáo. Tình huống được gọi ra ngay từ nhan đề của tác phẩm vợ nhặt. Tình huống truyện vừa lạ vừa hết sức éo le nói trên là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến diễn biến tâm trạng và hành động của các nhân vật. Qua tình huống này, chủ đề của truyện được bộc lộ.

### (c) Các nhân vật

– Người vợ nhặt. Cái đói quay quắt đã ném thị vào đời sống vất vưởng. Đời sống vất vưởng đã biến thị thành một phụ nữ có ngoại hình tàn tạ. Thị đã theo không về làm vợ Tràng. Con người thật của thị thể hiện rõ khi về nhà. Người vợ nhặt vô danh nhưng không vô nghĩa, bóng dáng của thị không lộng lẫy nhưng gọi được sự ấm áp cho một gia đình đang bên lề cái chết.

– Nhân vật Tràng. Người lao động nghèo, tốt bụng,... luôn khao khát hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ, anh nhận thấy không gian xung quanh thay đổi. Tràng thay đổi suy nghĩ, ý thức được trách nhiệm với vợ con, anh dự cảm một tương lai tươi đẹp cho cuộc đời của mình “Bỗng nhiên hẳn thấy...tu sửa căn nhà”. Những thay đổi lớn trong tâm lí, tính cách của anh Tràng là biểu hiện cao nhất của tinh thần hướng về sự sống quên đi cái chết đang bủa vây.

– Nhân vật bà cụ Tứ. Bà cụ Tứ một bà mẹ nghèo nhưng giàu lòng nhân ái; đói khát đã khiến người ta phải sống, phải ăn thức ăn của loài vật (cháo cám) nhưng cái đói không hủy diệt được tình nghĩa và niềm hi vọng của con người. Tư tưởng: dù ở bên lề cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc... vẫn hi vọng ở tương lai”



## **B. Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài**

### **1. Tô Hoài**

– Tô Hoài (1920) quê Hà Nội, là một trong những nhà văn lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Ông có vốn hiểu biết phong phú sâu sắc về phong tục, tập quán nhiều vùng khác nhau của đất nước.

– Văn Tô Hoài có lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động của người từng trải, vốn từ vựng phong phú. Năm 1996 được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. Tác phẩm chính: Dế Mèn phiêu lưu kí (truyện, 1941); Truyện Tây Bắc (tập truyện, 1953); Miền Tây (tiểu thuyết, 1967)

### **2. Vợ chồng A Phủ**

#### ***2.1. Hoàn cảnh ra đời***

Vợ chồng A Phủ (1952) in trong tập truyện Tây Bắc, là kết quả chuyến đi thực tế của Tô Hoài cùng bộ đội giải phóng Tây Bắc

#### ***2.2. Nội dung***

Cuộc sống cơ cực, tối tăm của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao dưới ách áp bức kìm kẹp của thực dân và chúa đất thống trị; quá trình người dân các dân tộc thiểu số thức tỉnh cách mạng và vùng lên tự giải phóng đời mình, đi theo tiếng gọi của Đảng.

#### ***2.3. Nghệ thuật***

– Không khí, màu sắc đậm chất Tây Nguyên thể hiện ở bức tranh thiên nhiên; ở ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật.



- Xây dựng thành công các nhân vật vừa có những nét cá tính sống động vừa mang những phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu (cụ Mết, Tnú, Dít,...).
- Khắc hoạ thành công hình tượng cây xà nu – một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc – tạo nên màu sắc sử thi và sự lãng mạn bay bổng cho thiên truyện.
- Lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm,...

#### ***2.4. Ý nghĩa văn bản***

Ngợi ca tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đất nước, con người Việt Nam nói chung trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và khẳng định chân lí của thời đại: để giữ gìn sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.

### **3. Đọc thêm**

#### ***\* Tóm tắt tác phẩm***

Ngày xưa, bố Mị lấy mẹ Mị, không đủ tiền cưới phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mẹ Mị đã chết, bố Mị đã già mà món nợ mỗi năm phải trả lãi một nương ngô vẫn còn.

Năm đó, ở Hồng Ngài tết đến, A Sử con trai thống lí Pá Tra lừa bắt cóc được Mị về làm vợ cúng trình ma. Mị trở thành con dâu gạt nợ. Khỏe hơn con trâu con ngựa, lùi lùi như con rùa trong xó cửa. Mị toan ăn lá ngón tự tử. Thương cha già, Mị chết không đành. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Một cái tết nữa lại đến. Mị thấy lòng phơi phới. Cô uống rượu ực từng bát, rồi chuẩn bị lấy váy áo đi chơi. A Sử đã trói đứng Mị bằng một thúng sợi đay.



A Phủ vì tội đánh con quan nên bị làng phạt vạ một trăm bạc trắng A Phủ trở thành người ở nợ cho Pá Tra. Một năm rừng động, A Phủ để hổ bắt mất một con bò. Pá Tra đã trói đứng anh vào một cái cọc bằng một cuộn mây. Mấy ngày đêm trôi qua, A Phủ sắp chết đau, chết đói, chết rét thì được Mị cắt dây trói cứu thoát.

Hai người trốn đến Phiềng Sa nên vợ nên chồng. A Phủ gặp cán bộ A Châu kết nghĩa làm anh em được giác ngộ trở thành chiến sĩ du kích đánh Pháp.

## **C. Rừng xà nu - Nguyễn Trung Thành**

### **1. Nguyễn Trung Thành**

Nguyễn Trung Thành (Nguyên Ngọc), trong hai cuộc kháng chiến gần bó mật thiết với mảnh đất Tây Nguyên. Những tác phẩm thành công của ông gắn với mảnh đất ấy.

### **2. Rừng xà nu**

#### ***2.1. Hoàn cảnh sáng tác***

– Đầu năm 1965, Mĩ đổ quân ồ ạt vào miền Nam và tiến hành đánh phá ác liệt ra miền Bắc. Nguyễn Trung Thành và các nhà văn miền Nam lúc đó muốn viết “hịch thời đánh Mĩ”. Rừng xà nu được viết vào đúng thời điểm mà cả nước ta trong không khí sục sôi đánh Mĩ. Tác phẩm được hoàn thành ở khu căn cứ của chiến trường miền Trung Trung bộ.

– Truyện “Rừng xà nu” được Nguyễn Trung Thành viết năm 1965, xuất hiện lần đầu trên Tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng miền trung Trung Bộ, số 2 năm 1965 – năm 1969, in trong tập truyện ký “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc”.



## **2.2. Nội dung**

- Truyện ngắn Rừng xà nu trước hết phản ánh hiện thực đau thương nhưng kiên cường, bất khuất của người dân Tây Nguyên thông qua hình tượng cây xà nu.
- Qua câu chuyện bi thương của nhân vật Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man, nhà văn khẳng định: dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

## **2.3. Nghệ thuật**

- Sắc màu Tây Nguyên được thể hiện ở: bức tranh thiên nhiên; ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật.
- Khắc hoạ thành công hình tượng cây xà nu – một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc tạo nên màu sắc sử thi và cảm hứng lãng mạn bay bổng cho thiên truyện; lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu.
- Xây dựng thành công các nhân vật vừa có nét cá tính sống động vừa mang những phẩm chất khái quát, tiêu biểu cho cộng đồng.

## **2.4. Ý nghĩa văn bản**

Ca ngợi tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đất nước, con người Việt Nam nói chung trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và khẳng định chân lí của thời đại: để giữ gìn sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.





### 3. Đọc thêm

#### (1) Tóm tắt

Sau 3 năm đi “lực lượng”, Tnú về thăm làng. Bé Heng gặp anh ở con nước lớn dẫn anh về. Cụ Mết già làng và bà con dân làng reo lên mừng rỡ. Cụ Mết đưa anh về nhà ăn cơm. Cả làng cảm được kéo tới nhà cụ Mết gặp Tnú. Có cả cô Dít, em gái Mai, nay là bí thư chi bộ kiêm chính trị viên xã đội. Dít thay mặt làng xem giấy có chữ ký chỉ huy cho phép Tnú về thăm làng một đêm.

Rồi cụ Mết kể lại cuộc đời Tnú cho lũ làng nghe. Tiếng nói rất trầm. ... Anh Xút bị giặc treo cổ, bà Nhan bị giặc chặt đầu, Tnú và Mai đi vào rừng nuôi anh Quyết cán bộ. Tnú học chữ thì hay quên nhưng đi rừng làm liên lạc thì đầu nó sáng lạ lùng. Một lần Tnú vượt thác Đắc nông thì bị giặc bắt, bị tra tấn, bị đẩy đi Kông Tum. Ba năm sau, Tnú vượt ngục trốn về, lưng đầy thương tích. Tnú đọc thư tuyệt mệnh của anh Quyết gửi cho dân làng Xô Man trước khi anh tử thương. Đêm đêm làng Xô Man thức mài vũ khí. Thằng Dục chỉ huy đồn Đắc Hà đưa lũ ác ôn về vây ráp làng. Cụ Mết và trai tráng lánh vào rừng, bí mật bám theo giặc. Bọn giặc đã giết chết mẹ con Mai. Tay không ra cứu vợ con, Tnú bị giặc bắt. Chúng lấy nhựa xà nu đốt cháy 10 ngón tay anh. Cụ Mết và lũ thanh niên từ rừng xông ra, dùng mác, và rựa chém chết tất cả 10 tên ác ôn. Và lửa cháy khắp rừng... Sau đó, Tnú ra đi tìm cách mạng...

Cụ Mết ngừng kể, rồi hỏi Tnú đã giết được mấy thằng Diêm, mấy thằng Mĩ rồi? Anh kể chuyện đánh đồn, xông xuống hầm ngầm dùng tay bóp chết thằng chỉ huy... Mưa rơi nặng hạt. Không ai nhận thấy đêm đã khuya. Sáng hôm sau cụ Mết và Dít tiễn Tnú lên đường. Ba người đứng nhìn những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời...



**(2) Gợi ý phân tích hình tượng cây xà nu và hình tượng nhân vật Tnú trong truyện ngắn *Rừng xà nu***

**(a) Hình tượng cây xà nu**

- Vị trí xuất hiện: nhan đề, đầu và cuối tác phẩm, xuất hiện trong sự đối chiếu, so sánh với các nhân vật khác trong truyện.
- Nghĩa thực: Đây là một loại cây có thật ở vùng đất Tây Nguyên.
- Nghĩa biểu tượng: Cây xà nu tượng trưng cho số phận và phẩm chất của con người Tây Nguyên trong chiến tranh.

**(b) Hình tượng nhân vật Tnú**

- Gan góc, dũng cảm, mưu trí
- Tính kỉ luật cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng
- Có trái tim yêu thương và sôi sục căm thù giặc.
- Cuộc đời bi tráng của Tnú và con đường đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí thời đại: Phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để giải phóng: Chúng nó đã cầm súng mình phải cầm giáo...

**(c) Hình tượng cây xà nu và Tnú có quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau. Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như Tnú.**



## **D. Những đứa con trong gia đình - Nguyễn Thi**

### **1. Nguyễn Thi**

Là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam trong thời kì chống Mỹ. Sinh ra ở miền Bắc nhưng gắn bó máu thịt với mảnh đất miền Nam và được mệnh danh là nhà văn của người nông dân Nam Bộ. Có biệt tài phân tích tâm lí sắc sảo.

### **2. Những đứa con trong gia đình**

#### ***2.1. Hoàn cảnh sáng tác***

Truyện ngắn Những đứa con trong gia đình được hoàn thành vào tháng 2 năm 1966, trong những ngày chiến đấu chống Mỹ ác liệt, khi nhà văn công tác ở tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng.

#### ***2.2. Nội dung***

– Truyện ngắn Những đứa con trong gia đình phản ánh hiện thực đau thương nhưng rất đỗi anh dũng, kiên cường của nhân dân miền Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

– Vẻ đẹp tâm hồn của người dân Nam Bộ: lòng yêu nước, căm thù giặc, tình cảm gia đình là sức mạnh tinh thần to lớn trong cuộc chiến chống Mỹ cứu nước.

#### ***2.3. Nghệ thuật***

– Tình huống truyện: Việt – một chiến sĩ Quân giải phóng – bị thương phải nằm lại chiến trường. Truyện kể theo dòng nội tâm của Việt khi liên mạch (lúc tỉnh), khi gián đoạn (lúc ngất) của “người trong cuộc” làm câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.



– Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam Bộ.

– Giọng văn chân thật, tự nhiên, nhiều đoạn gây xúc động mạnh,...

#### ***2.4. Ý nghĩa văn bản***

Qua câu chuyện về những con người trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với quê hương, với cách mạng, nhà văn khẳng định: sự hoà quyện giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

### **3. Đọc thêm:**

#### ***Tóm tắt tác phẩm***

Việt quê ở Bến Tre. Chị gái là Chiến, hai chị em cùng đi bộ đội một ngày.

Trong một trận đánh lớn trong rừng cao su, Việt dùng thủ pháo diệt một xe bọc thép Mỹ. Nhưng Việt đã bị thương nặng, ngã đi trên chiến trường, bị lạc đơn vị ba ngày đêm. Tỉnh rồi lại mê, mê rồi lại tỉnh, anh nhớ lại những kỷ niệm vui, buồn tuổi thơ, nhớ lại ba má, anh chị em, nhớ chú Năm. Cả ba lần má đều hy sinh trong chiến tranh. Việt và chị Chiến ra đi đánh giặc để báo thù cho ba má, để giải phóng quê hương, tiếp tục trang sử anh hùng của gia đình.

Anh Tánh dẫn tiểu đội đi tìm Việt suốt 3 ngày, mấy lần đụng địch, lục tìm suốt mặt trận dài mới gặp được Việt và đưa về bệnh viện quân y. Lúc vết thương sắp lành, anh Tánh giục Việt viết thư cho chị Chiến.



## **E. Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu**

### **1. Nguyễn Minh Châu**

– Nguyễn Minh Châu (1930 – 1989), trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có khuynh hướng trữ tình lãng mạn.

– Tư thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh, thuộc trong số những người mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học Việt nam thời kì đổi mới.

### **2. Chiếc thuyền ngoài xa**

#### ***2.1. Hoàn cảnh sáng tác***

– Chiếc thuyền ngoài xa được viết 8/1983 – khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã đi qua được sáu năm, đất nước trở lại với cuộc sống đời thường. Nhiều vấn đề của đời sống văn hóa, nhân sinh mà trước đây do hoàn cảnh chiến tranh chưa được chú ý, nay được đặt ra.

– Tác phẩm nằm trong xu hướng nghệ thuật chung của văn học thời kỳ đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người đời thường.

#### ***2.2. Nội dung***

– Qua suy nghĩ của người nghệ sĩ nhiếp ảnh khi phát hiện ra mâu thuẫn éo le trong nghề nghiệp của mình; ta thấu hiểu: mỗi người trong cõi đời, nhất là người nghệ sĩ, không thể đơn giản và sơ lược khi nhìn nhận cuộc sống và con người.

– Vẻ đẹp của ngòi bút Nguyễn Minh Châu là vẻ đẹp toát ra từ tình yêu tha thiết đối với con người. Tình yêu ấy bao hàm cả khát vọng tìm kiếm, phát hiện, tôn vinh những vẻ đẹp con người còn tiềm ẩn, những khắc khoải, lo âu trước cái xấu, cái ác.



Đó cũng là vẻ đẹp của một cốt cách nghệ sĩ mẫn cảm, đôn hậu, điềm đạm chiêm nghiệm lẽ đời để rút ra những triết lí nhân sinh sâu sắc. Chiếc thuyền ngoài xa là một trong số rất nhiều tác phẩm của Nguyễn Minh Châu đã đặt ra những vấn đề có ý nghĩa với mọi thời, mọi người không thể tách rời, thoát li cuộc sống. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

### **2.3. Nghệ thuật**

- Tình huống truyện độc đáo, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống. Tác giả lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn thích hợp, làm cho câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực và có sức thuyết phục.
- Ngôn ngữ nhân vật sinh động, phù hợp với tính cách. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.

### **2.4. Ý nghĩa văn bản**

Chiếc thuyền ngoài xa thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.

## **3. Đọc thêm**

### **(1) Tóm tắt**

Để có tấm lịch nghệ thuật về thuyền và biển theo yêu cầu của trưởng phòng, Phùng đã tới một vùng biển từng là chiến trường cũ của anh, “phục kích” mấy buổi sáng để “chộp” được một cảnh thật ưng ý. Giây phút ấy đã tới, người nghệ sĩ đã phát hiện ra



một vẻ đẹp “trời cho” trên mặt biển mờ sương, vẻ đẹp mà cả đời bấm máy có lẽ anh chỉ có điểm phúc bắt gặp được một lần

Rồi Phùng chứng kiến từ chiếc thuyền ngư phủ ấy bước ra một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu; một lão đàn ông thô kệch, dữ dằn, độc ác, coi việc đánh vợ như một phương cách để giải tỏa những uất ức, khổ đau: Phùng đã từng là người lính cầm súng chiến đấu để có vẻ đẹp thanh bình, anh không thể chịu được khi chứng kiến cảnh lão đàn ông đánh vợ một cách vô lí và thô bạo. Nhưng anh chưa kịp xông ra thì thằng Phác, con trai lão, đã kịp tới để che chở cho người mẹ đáng thương. Chỉ đến lần thứ hai, khi lại phải chứng kiến cảnh ấy, Phùng mới thể hiện được bản chất người lính là không thể lăm ngơ trước sự bạo hành của cái ác. Nhưng Phùng lại bị lão đàn ông kia đánh bị thương, phải đưa về trạm y tế của tòa án huyện, nơi đó có người bạn cũ của Phùng tên là Đầu đang làm chánh án.

Người đàn bà được mời đến. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện là câu chuyện về sự thật cuộc đời, nó giúp những người như Phùng và Đầu hiểu được nguyên do của những điều tưởng như vô lí. Bề ngoài, đó là một người đàn bà quá nhẫn nhục, cam chịu, bị chồng thường xuyên hành hạ, đánh đập thật khôn khổ, vậy mà vẫn nhất quyết gắn bó với lão đàn ông vũ phu ấy. Chỉ qua những lời giải bày thật tình của người mẹ đáng thương đó mới thấy nguồn gốc mọi sự chịu đựng, hi sinh của bà là tình thương vô bờ đối với những đứa con. Nếu hiểu sự việc một cách đơn giản, chỉ cần yêu cầu người đàn bà bỏ chồng là xong. Nhưng nếu nhìn vấn đề một cách thấu suốt sẽ thấy suy nghĩ và xử sự của bà là không thể khác được....

Qua câu chuyện của người đàn bà, Phùng và Đầu đã thấy rõ: không thể dễ dãi, đơn giản trong việc nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng của cuộc sống.



## ***(2) Gợi ý phân tích***

### ***(a) Nhan đề***

- Chiếc thuyền ngoài xa trước hết là biểu tượng của nghệ thuật, đó là thứ nghệ thuật đạt tới sự toàn mỹ và thánh thiện đến mức mà chiêm ngưỡng nó, người nghệ sĩ thấy tâm hồn mình được thanh lọc.
- Chiếc thuyền khi về gần đó lại là hiện thân của cuộc đời lam lũ, khó nhọc, thậm chí của những éo le, trái ngang và nghịch lí trong cuộc sống.
- Như vậy, chiếc thuyền nghệ thuật thì ở ngoài xa nhưng cuộc đời thì lại rất gần. Người nghệ sĩ cần có một khoảng cách nhất định để khám phá và thưởng thức vẻ đẹp đích thực của nghệ thuật nhưng lại cũng cần bám sát cuộc đời để phát hiện ra những sự thật của cuộc sống.
- Nhan đề là một ẩn dụ về mối quan hệ giữa cuộc đời và nghệ thuật!

### ***(b) Tình huống truyện***

- Tình huống: một nghệ sĩ nhiếp ảnh đến một vùng ven biển miền Trung để chụp một tấm ảnh về cảnh biển buổi sớm có sương. Tại đây, anh đã phát hiện và chụp được một cảnh tượng “trời cho” – đó là cảnh một chiếc thuyền ngoài xa đang ẩn hiện trong biển sớm mờ sương. Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, người nghệ sĩ đã chứng kiến cảnh một gã chồng vũ phu đánh đập người vợ hết sức dã man. Ba hôm sau, cảnh tượng ấy lại diễn ra, người đàn bà được mời đến tòa án huyện, tại đây, người nghệ sĩ lắng nghe câu chuyện về cuộc đời của người đàn bà hàng chài kể lại và đó như một lời giải thích vì sao chị ta không bỏ chồng dù người chồng tàn bạo.





– Đây là một “tình huống nhận thức”, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về chân lí đời sống, chân lí nghệ thuật. Phùng đã phát hiện sau cảnh đẹp như mơ kia là những ngang trái, nghịch lí của đời thường.

– Tình huống truyện, thể hiện cái nhìn đa chiều về cuộc sống. Chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng đã hiểu ra nhiều điều về con người, cuộc sống khi chứng kiến câu chuyện và tiếp xúc với người đàn bà hàng chài. Từ tình huống truyện, tác giả đã đặt ra vấn đề “đôi mắt”, cách nhìn đời, nhìn người trong cuộc sống.

### (c) Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng

#### Bức tranh thiên nhiên hoàn mĩ

– Bằng cặp mắt tinh tường của người nghệ sĩ, Phùng phát hiện ra một “cảnh đất trời cho” là cảnh một chiếc thuyền lưới vó ẩn hiện trong cảnh biển sớm mờ sương có pha đôi chút hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào ... đó là cảnh diệu kì mà thiên nhiên, cuộc sống đã ban tặng cho con người. Mặt khác, Phùng cảm nhận cái cảnh tượng ấy giống như “một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ”. Toàn bộ khung cảnh “từ đường nét đến ánh sáng đều hài hoà và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích”.

– Đứng trước một sản phẩm nghệ thuật tuyệt tác của hoá công, người nghệ sĩ trở nên “bối rối” và khiến những cảnh tượng đó, nghệ sĩ Phùng kinh ngạc đến thần thờ : “Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn”. Người nghệ sĩ như “chết lặng”, không tin vào những gì đang diễn ra trước mắt.

– Nghệ sĩ Phùng không thể ngờ rằng đằng sau cái vẻ đẹp diệu kì của tạo hoá kia lại có cái ác, cái xấu đến không thể tin được. Vừa mới lúc trước, anh còn cảm thấy “bản thân cái đẹp chính là đạo đức”, thấy “chân lí của sự toàn thiện” thế mà chỉ ngay sau



đó chẳng còn cái gì là “đạo đức”, là cái “toàn thiện” của cuộc đời. Phùng xót xa cay đắng nhận thấy cái xấu xa, ngang trái, bi kịch trong gia đình người dân chài đã làm cho tấm ảnh của anh chụp được kia như nhuộm màu đau thương ghê sợ.

Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống. Nghệ thuật không thể chỉ dừng lại ở vẻ đẹp bề ngoài nhất là cái vẻ đẹp tuyệt vời thơ mộng, mà còn phải nhìn tới bề sâu. Bề sâu của cuộc đời không hề đơn giản, mà tâm điểm chính là con người với số phận đa đoan, với mọi nhọc nhằn và cả khổ đau, không hiếm những ngang trái bi kịch. Cuộc đời đâu phải chỉ toàn màu hồng, cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng nhiều nghịch lí. Cuộc sống luôn tồn tại những mặt đối lập, những mâu thuẫn: đẹp – xấu, thiện – ác.

#### (d) Câu chuyện của người đàn bà nơi tòa án huyện

– Đó là câu chuyện về cuộc đời đầy bí ẩn và éo le của người đàn bà đàn bà hàng chài nghèo khổ, lam lũ: người đàn bà ngoài 40 tuổi, dáng người cao lớn với những đường nét thô kệch, vẻ mệt mỏi, tái mét, lưng áo bạc phéch rách rưới, ướt sũng, ... Người đàn bà nhẫn nhục đón nhận những trận đòn roi của người chồng vũ phu “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”. Một người đàn bà sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời “Chị cảm ơn các chú, lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc”. Chị là người có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị tha.

– Người đàn ông là một người chồng vũ phu bất kể lúc nào thấy khổ quá là lôi vợ ra đánh, đánh để giải tỏa uất ức để trút đi nỗi tức tối buồn phiền “lão trút cơn giận như lửa cháy... chúng mày chết hết đi cho ông nhờ”

– Chánh án Đầu có lòng tốt sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng chưa thực sự đi sâu vào đời sống nhân dân. Lòng tốt là đáng quý nhưng chưa đủ. Luật pháp là cần thiết nhưng



cần phải đi vào đời sống. Cả lòng tốt và luật pháp đều phải được đặt vào những hoàn cảnh cụ thể, không thể áp dụng với mọi đối tượng và có những vấn đề không thể giải quyết bằng luật pháp.

– Nghệ sĩ Phùng sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận và suy nghĩ.

Đừng bao giờ nhìn nhận cuộc đời và con người một cách dễ dãi, xuôi chiều. Cần phải nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng trong hoàn cảnh cụ thể của nó và trong quan hệ với nhiều yếu tố khác nữa.

(c) Tấm ảnh được chọn trong bộ lịch năm ấy

– Mỗi lần nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ đều thấy “hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai” (đó là chất thơ, là vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời, cũng là biểu tượng của nghệ thuật). Và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy “người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh...” (là hiện thân của những lam lũ, khốn khó của đời thường. Nó là sự thật cuộc đời đằng sau bức tranh).

– Ý nghĩa: Nghệ thuật chân chính không thể tách rời, thoát ly cuộc sống. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

## **F. Người lái đò sông Đà - Nguyễn Tuân**

### **1. Nguyễn Tuân (1910 - 1987)**

– Sinh ra trong một gia đình nhà nho ở làng Nhân Mục.

– Nhà văn lớn, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp, có vị trí và đóng góp quan trọng cho nền văn học hiện đại, đưa thể tùy bút, bút ký đạt đến trình độ nghệ thuật cao làm



phong phú cho ngôn ngữ dân tộc, đem đến cho nền văn học hiện đại một phong cách văn học tài hoa, độc đáo.

## **2. Người lái đò sông Đà**

### **2.1. Hoàn cảnh sáng tác**

Người lái đò sông Đà là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ của Nguyễn Tuân trong chuyến đi gian khổ và hào hùng tới miền Tây Bắc rộng lớn của Tổ quốc. Sông Đà gồm 15 thiên tùy bút và một bài thơ ở dạng phác thảo.

### **2.2. Nội dung**

– Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên đất nước. Với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hoá. Cảm nhận và miêu tả sông Đà Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng sông Đà là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong chế độ mới.

– Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới : những con người đáng trân trọng, ngợi ca, không thuộc tầng lớp đài các “vang bóng một thời” mà là những người lao động bình thường – chất “vàng mười của Tây Bắc”. Qua đây, nhà văn muốn phát biểu quan niệm : người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.

### **2.3. Nghệ thuật**

- Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.
- Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.



– Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình,...

## **2.4. Ý nghĩa văn bản**

Giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc ; thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam.

## **3. Đọc thêm**

### **(1) Hình tượng sông Đà**

#### **a) Vẻ hung bạo và dữ tợn của sông Đà**

– Cảnh đá bờ sông “dựng vách thành”, có quãng lòng sông bị thắt hẹp lại “như cái yết hầu”, “ngồi trong khoang đò ... tắt phụt đèn điện” -> nghệ thuật nhân hóa, so sánh cho thấy sự hiểm trở và hùng vĩ của con sông.

– Những quãng dài hàng cây số “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm...”. Cấu trúc câu trùng điệp, nhịp ngắn dồn dập, nhiều động từ mạnh làm tăng cảm giác hiểm trở và lưu tốc mạnh mẽ của dòng chảy.

– Những “hút nước như những cái giếng bê tông ...” chết người luôn sẵn sàng nhấn chìm và đập tan chiếc thuyền nào non tay lái lọt vào.

– Tiếng nước thác sông Đà với nhiều cung bậc dữ dội khác nhau như oán trách, như van xin, như khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo rồi rống lên như tiếng hàng ngàn con trâu mộng đang lồng lộn -> bằng khả năng liên tưởng độc đáo táo bạo cho thấy sự hùng tráng của những thác nước lúc đầu như khúc nhạc nỉ non, sau đó bùng thét lên những cơn phản kích và man dại trong âm thanh cuồng loạn của núi rừng.



– Quảng sông Đà với bao đá nổi, đá chìm, phối hợp cùng sóng thác như dàn thạch trận mai phục trên sông, lập nhiều phòng tuyến... sẵn sàng “ăn chết con thuyền và người lái đò.

b) Vẻ trữ tình, thơ mộng

– Từ trên cao nhìn xuống, dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc của người thiếu nữ kiều diễm, thướt tha trong mây trời Tây Bắc “Con sông Đà tuôn dài ... mù khói núi Mèo đốt nương xuân”.

– Nhìn ngắm con sông từ nhiều thời gian, không gian khác nhau, Nguyễn Tuân đó phát hiện những sắc màu tươi đẹp và đa dạng của màu nước sông Đà. Nó biến đổi theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng: mùa xuân dòng xanh ngọc bích, mùa thu lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa...”

– “Nhìn sông Đà như một cố nhân”, nhà văn cảm nhận rõ nét cái chất “đằm đằm ấm ấm” thân quen của con sông và nhất là cái chất thơ như ngấm vào trong từng cảnh sắc thiên nhiên sông Đà mặt nước sông loang loáng, bờ sông, bãi sông, chuồn chuồn, bướm bướm trên sông ... tất cả mang nét hài hòa, lững lờ như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa, gợi nhớ câu thơ Đường “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”

– Bờ sông hoang dại như bờ tiền sử, cảnh vật lặng lờ như chìm vào cõi mộng: nương ngô nhú lá ngô non đầu mùa, cỏ gianh đang ra những nồn búp, đàn hươu đang cúi đầu ngón đám cỏ gianh đẫm sương đêm,...

Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu tha thiết với thiên nhiên đất nước. Đối với ông thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Cảm nhận và miêu tả sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm của mình. Hình tượng sông Đà là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của con người lao động trong chế độ mới.



## **(2) Hình tượng người lái đò**

### **a) Ngoại hình**

– Quê Lai Châu đã gần 70 tuổi, có thân hình cao to gọn quánh như chất sừng chất mun, đôi tay dài lêu nghêu như cái sào, đôi chân khuỳnh khuỳnh như kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng, nhõn giời cao vời vọi, ...

– Gắn bó với nghề chèo đò dọc sông Đà hơn mười năm và xuôi ngược sông Đà hơn trăm lần.

### **b) Là người tinh thông trong nghề nghiệp**

– Ông lão nắm vững qui luật khắc nghiệt của dòng thác sông Đà “Nắm chắc quy luật của thần sông thần đá”.

– Ông thuộc lòng những đặc điểm địa hình của Sông Đà “lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả các luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở”, Sông Đà “như một thiên anh hùng ca mà ông đò thuộc đến cả những cái chấm than, chấm câu và những đoạn xuống dòng”.

### **c) Là người trí dũng tuyệt vời**

– Ở trùng vây thứ nhất: thần sông dàn ra năm cửa đá thì có đến bốn cửa tử, cửa sinh duy nhất nằm sát bờ trái và huy động hết sức mạnh của sóng thác đánh vỗ mặt con thuyền. Luồng sông hung tợn “liều mạng vào sát nách mà đá trái, mà thúc gối vào bụng vào hông thuyền”. Thậm chí còn đánh đòn tia, đánh đòn âm... nhưng người lái đò vẫn bình tĩnh “hai tay giữ chặt mái chèo, hai chân kẹp chặt lấy cuống lái” giúp con thuyền “khỏi bị hất khỏi bờm sóng trợn địa sóng thẳng vào mình”. Ngay cả lúc bị trúng đòn hiểm, mặt méo bệch đi nhưng ông vẫn tỉnh táo chỉ huy con thuyền lướt đúng vào luồng sinh.





– Ở trùng vây thứ 2: Cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Nhưng ông đồ đã “nắm chắc quy luật của thần sông thần đá” nên lập tức cũng thay đổi chiến thuật theo, nhận ra cạm bẫy của bọn thủy quân nơi cửa ải nước này. Ông không né tránh mà đưa con thuyền cuời lên sóng thác” “cuời lên thác Sông Đà, phải cuời đến cùng như là cuời hổ”. “Nắm chắc được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đồ ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo vào cửa đá ấy”. Người lái dò tả xung, hữu đột như một chiến tướng dày dạn kinh nghiệm trận mạc đã đưa được con thuyền vượt qua tập đoàn cửa tử khiến cho những bộ mặt đá hung hăng dữ tợn phải xanh lè, thất vọng.

– Ở trùng vây thứ 3: ít cửa hơn những bên phải bên trái đều là luồng chết cả, cửa sinh lại nằm giữa lòng sông và bọn đá hậu vệ canh giữ. Ông lái dò hết sức lanh tay, lanh mắt: “Vút vút cửa ngoài, cửa trong, thuyền như mũi tên tre xuyên qua hơi nước ...” tiếp tục chỉ huy con thuyền vượt qua trùng vi thứ 3.

#### d) Là người tài hoa nghệ sĩ

– Ông đối đầu với ghềnh thác cuồng bạo bằng sự tự tin, ung dung nghệ sĩ. Tay lái linh hoạt, khéo léo, tài hoa như một nghệ sĩ trên sông nước: “ông đồ vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến”, “Vút, vút...thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước”. Dưới bàn tay chèo lái điêu luyện của ông con thuyền đã hoá thành con tuấn mã hiểu ý chủ – khi thì khéo léo né tránh luồng sóng dữ, khi thì phóng thẳng vào cửa đá có 3 tầng công “cánh mở, cánh khép”. Con thuyền như bay trong không gian, ông đồ luôn nhìn thử thách bằng cái nhìn giản dị mà lãng mạn.

– Sau cuộc vượt thác gian nan, ông đồ lại có phong thái ung dung của một nghệ sĩ “Đêm ấy nhà đồ đốt lửa trong hang đá, nước ống com lam và toàn bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh...”.





Đây là hình ảnh về một người lao động mới mang vẻ đẹp khác thường. Người lái đò hiện lên như là vị chỉ huy dày dặn kinh nghiệm, tài trí và luôn có phong thái ung dung của người nghệ sĩ. Qua hình tượng người lái đò sông Đà, nhà văn muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không phải chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.

## **G. Ai đã đặt tên cho dòng sông? - Hoàng Phủ Ngọc Tường**

### **1. Hoàng Phủ Ngọc Tường**

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, gắn bó mật thiết với xứ Huế, có vốn hiểu biết sâu sắc trên nhiều lĩnh vực. Có sở trường về tùy bút, bút kí
- Lối viết: sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình với những liên tưởng mạnh mẽ và một lối hành văn mê đắm, tài hoa.

### **2. Ai đã đặt tên cho dòng sông?**

#### ***2.1. Hoàn cảnh ra đời, vị trí đoạn trích***

- Ai đã đặt tên cho dòng sông? viết tại Huế năm 1981, in trong tập sách cùng tên
- Tác phẩm gồm ba phần, đoạn trích học trong SGK là phần thứ nhất.

#### ***2.2. Nội dung***

#### ***2.3. Nghệ thuật***

- Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân
- Ngôn ngữ trong sáng, phong phú, uyển chuyển, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ,...



– Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc và trí tuệ, chủ quan và khách quan.

## **2.4. Ý nghĩa văn bản**

Thể hiện những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo về sông Hương; bộc lộ tình yêu tha thiết, sâu lắng và niềm tự hào lớn lao của nhà văn đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương.

## **3. Đọc thêm**

(1) Vẻ đẹp của hình tượng sông Hương qua cảnh sắc thiên nhiên

a) Sông Hương ở thượng lưu

– Sông Hương – “bản trường ca của rừng già”. ở nơi khởi nguồn của dòng chảy, gắn liền với đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ, con sông toát lên vẻ đẹp của một sức sống mãnh liệt, vừa hùng tráng vừa trữ tình, như bản “trường ca” bất tận của thiên nhiên.

– Sông Hương – “cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại”. Ví sông Hương với những cô gái Di-gan, Hoàng Phủ Ngọc Tường muốn tô đậm vẻ đẹp hoang dại nhưng cũng rất tình tứ của con sông ở thượng nguồn.

– Sông Hương – “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”. Sông Hương được coi như là một khởi nguồn, một sự bắt đầu của không gian văn hóa Huế. Nó góp phần tạo nên, gìn giữ và bảo tồn văn hóa của một vùng thiên nhiên xứ sở.

b) Sông Hương ở ngoại vi thành phố Huế

– Sông Hương – người gái đẹp bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài. Sông Hương giống như “người gái đẹp nằm ngủ mơ màng” giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại được người tình mong đợi đến đánh thức. Thủy trình của sông Hương khi nó bắt đầu về



xuôi tựa “một cuộc tìm kiếm có ý thức” người tình nhân đích thực của một người con gái đẹp trong câu chuyện tình yêu lãng mạn nhuộm màu cổ tích.

– Sông Hương – “vẻ đẹp trầm mặc”, “như triết lí, như cổ thi”. Con sông hiền hòa ở ngoại vi thành phố Huế như đang nép mình bên “giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa” được phong kín trong lòng “những dòng sông u tịch”. Chảy bên những di sản văn hóa ấy, sông Hương như khoác lên mình tấm áo “trầm mặc” mang cái “triết lí cổ thi” của cổ nhân. Dòng sông hay chính là dòng chảy của lịch sử vẫn bền bỉ chảy qua năm tháng và đang vọng về trong ngày hôm nay.

#### c) Sông Hương giữa lòng thành phố Huế

– Sông Hương – “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”. Sông Hương chảy chậm, điệu chảy lững lờ vì nó quá yêu thành phố của mình, nó không muốn rời xa thành phố thân thương. Đó là tình cảm của sông Hương với Huế, cũng là tình cảm của nhà văn với sông Hương, với xứ Huế mộng mơ.

– Sông Hương – “người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya”. Toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế, trong cảm nhận của tác giả, chỉ thực sự là nó “khi sinh thành trên mặt nước của Hương Giang trong một khoang thuyền nào đó, giữa những tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya”.

#### d) Sông Hương khi từ biệt Huế

Sông Hương – người tình dịu dàng và chung thủy. Trong con mắt của người nghệ sĩ tài hoa, khúc ngoặt của sông Hương trước khi ra khỏi thành phố ở thị trấn Bao Vinh xưa cổ được coi là biểu tượng hiêu hởi “vương vấn”, thậm chí có chút “lãng lơ kín đáo” của người tình thủy chung và chí tình. Nhà văn hình dung sông Hương như nàng Kiều trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước khi đi xa.



Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tiếp cận, miêu tả dòng sông từ nhiều không gian, thời gian khác nhau. Ở mỗi góc độ, nhà văn đều thể hiện một cảm nghĩ sâu sắc, mới mẻ về con sông. Từ những cái nhìn ấy, ta thấy bằng bạc một cách cảm yêu mến tha thiết, niềm tự hào và một thái độ trân trọng, gìn giữ đối với vẻ đẹp tự nhiên, đậm màu sắc văn hóa của nhà văn với dòng sông quê hương.

(2) Vẻ đẹp của sông Hương được nhìn từ góc độ văn hóa, lịch sử

a) Sông Hương gắn với lịch sử dân tộc

Trong lịch sử, sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu những hiên ngang vinh quang từ thời vua Hùng (dòng sông mang tên Linh Giang) trong dư địa chí của Nguyễn Trãi “dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam tổ quốc Đại Việt qua những thế kỷ trung đại”, từng “soi bóng kinh thành Phú Xuân” của người anh hùng Nguyễn Huệ, nó sống hết thế kỷ XIX với “máu của những cuộc khởi nghĩa” và nó chứng kiến thời đại Cách mạng tháng Tám với bao chiến công rung chuyển qua hai cuộc kháng chiến.

b) Sông Hương với cuộc đời và thơ ca

– Trong đời thường, sông Hương mang một vẻ đẹp giản dị của “một người con gái dịu dàng của đất nước”.

– Sông Hương là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ

– Sông Hương gắn với nền âm nhạc cổ điển Huế. Sông Hương trở thành “người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya”

– Bằng ngòi bút tài hoa cộng với sự rung cảm mạnh mẽ, Hoàng Phủ Ngọc Tường nhớ tới Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên sông này với “một phiến trăng sầu”.



Và từ đó những bản đàn đã đi suốt cuộc đời Kiều và ảnh hưởng tới tứ đại cảnh để diễn tả tiếng đàn của Thúy Kiều:

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời

---

## VĂN NGHỊ LUẬN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

### A. Tuyên ngôn Độc lập - Hồ Chí Minh

#### 1. Hồ Chí Minh

#### 2. Tuyên ngôn độc lập

##### *2.1. Hoàn cảnh sáng tác*

– Tuyên ngôn Độc lập được viết ngày 26/8/1945 tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Hà Nội. Ngày 2/9/1945 Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội.

– Trên thế giới, phe Đồng minh vừa thắng phát xít. Ở Việt Nam nhân cơ hội Nhật hàng Đồng minh, Việt Minh đã lãnh đạo nhân dân ta tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Nhưng chính quyền non trẻ bị đe dọa bởi dã tâm xâm lược của các thế lực đế quốc, thực dân Anh, Pháp, Mỹ và hai mươi vạn quân Tưởng Giới Thạch.

– Hồ Chí Minh viết Tuyên ngôn Độc lập để cảnh cáo, ngăn chặn âm mưu xâm lược của các nước đế quốc; tuyên bố khai sinh nước Việt Nam độc lập; kêu gọi khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.



## **2.2. Nội dung**

- Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước Việt Nam mới.
- Tác phẩm vừa tố cáo mạnh mẽ tội ác của thực dân Pháp, ngăn chặn âm mưu tái chiếm nước ta của các thế lực thù địch và các phe nhóm cơ hội quốc tế, vừa bộc lộ tình cảm yêu nước thương dân và khát vọng độc lập tự do cháy bỏng của tg và toàn dân tộc.

## **2.3. Nghệ thuật**

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực giàu sức thuyết phục;
- Ngôn ngữ chính xác gợi cảm;
- Giọng văn linh hoạt,...

## **2.4. Ý nghĩa văn bản**

- Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.
- Kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do.
- Là một áng văn chính luận mẫu mực.



## **B. Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc – Phạm Văn Đồng**

### **1. Phạm Văn Đồng**

Phạm Văn Đồng (1906-2000), nhà cách mạng xuất sắc, nhà văn hoá lớn, nhà lí luận Việt Nam uyên bác của nước ta thế kỉ XX.

### **2. Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc**

#### ***2.1. Hoàn cảnh ra đời:***

Bài viết đăng trên tạp chí văn học số 7-1963, nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Đồ Chiểu (3-7-1888), giữa lúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước của nhân dân ta, nhất là đồng bào Nam Bộ đang diễn ra hết sức mạnh mẽ, in trong Tạp chí Văn học, tháng 7/1963.

#### ***2.2. Nội dung:***

Bằng cách nhìn, cách nghĩ sâu rộng, mới mẻ và nhiệt tình của một người gắn bó hết mình với đất nước, nhân dân, Phạm Văn Đồng đã làm sáng tỏ mối liên hệ khăng khít giữa thơ văn Nguyễn Đình Chiểu với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ và thời đại hiện nay. Đồng thời tác giả hết lòng ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu, một người trọn đời dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu cho dân cho nước, một ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ của dân tộc Việt Nam.

#### ***2.3. Nghệ thuật***

– Bố cục chặt chẽ, các luận điểm triển khai bám sát vấn đề trung tâm.



- Cách lập luận từ khái quát đến cụ thể, kết hợp cả diễn dịch, quy nạp và hình thức “đòn bẩy”.
- Lời văn có tính khoa học, vừa có màu sắc văn chương vừa khách quan; ngôn ngữ giàu hình ảnh.
- Giọng điệu linh hoạt, biến hoá: khi hào sảng, lúc xót xa,...

#### ***2.4. Ý nghĩa văn bản***

Khẳng định ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu: cuộc đời của một chiến sĩ phấn đấu hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; sự nghiệp thơ văn của ông là một minh chứng hùng hồn cho địa vị và tác dụng to lớn của văn học nghệ thuật cũng như trách nhiệm của người cầm bút đối với đất nước, dân tộc.